

Số: 987/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 19 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 946/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Huỳnh H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B đường N, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phan Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số B đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông H và bà L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 01/2011 ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã Võ, Hện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/8/2020, ông H và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông H và bà L thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh H và bà Phan Thị L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 01/2011 ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã Võ, Hện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp hết hiệu lực).

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về chia tài sản khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ kiện này.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà L, ông H phải chịu mỗi người 150.000 đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L, ông H đã nộp theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0026699 ngày 03/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bà L, ông H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND xã Võ;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Chu Thị Bình**